

令和 3 年 4 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	64.5 t	7.32	3.0 cm	14.9 °C	
放流水量	64.2 t	7.70	50.0 cm	14.3 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	273 KWH	4,193 KWH	7.33 t	
日平均使用量	8.8 KWH	135.3 KWH	0.24 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	6台: 3.51t	32台: 65.93t	44台: 30.94t	10台: 28.49t	2台: 4.80t	
前月累計						
年度計	6台: 3.51t	32台: 65.93t	44台: 30.94t	10台: 28.49t	2台: 4.80t	

小計	
月計	94台: 133.67 t
前月累計	
年度計	94台: 133.67 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	94台: 133.67 t
前月累計	t	台 t
年度計	t	94台: 133.67 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	40台	334 m <sup>3</sup>
前月累計	台	m <sup>3</sup>
年度計	40台	334 m <sup>3</sup>

項目	日
搬入日数	20
日平均搬入数量	6.68 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	133.67 t	94台	スケール分散剤	60.00 kg
5	t	台	凝集剤 パック	150.00 kg
6	t	台	凝集助剤 ポリマ	1.00 kg
7	t	台	固形塩素剤	3.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	m <sup>3</sup>
			脱水ケーキ量	t
計	133.67 t	94台	脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	7 °C	9 °C	2 °C
2	晴	6 °C	12 °C	-2 °C
3		°C	°C	°C
4		°C	°C	°C
5	晴	5 °C	8 °C	2 °C
6	晴	6 °C	9 °C	-2 °C
7	晴	5 °C	9 °C	1 °C
8	曇/晴	1 °C	4 °C	-2 °C
9	晴	4 °C	6 °C	-6 °C
10		°C	°C	°C
11		°C	°C	°C
12	晴	10 °C	15 °C	1 °C
13	曇/雨	12 °C	13 °C	5 °C
14	曇/晴	5 °C	7 °C	3 °C
15	晴	7 °C	11 °C	-2 °C
16	晴	10 °C	14 °C	-1 °C
17		°C	°C	°C
18		°C	°C	°C
19	曇/晴	5 °C	12 °C	4 °C
20	晴	12 °C	15 °C	4 °C
21	晴	9 °C	9 °C	1 °C
22	晴	8 °C	10 °C	2 °C
23	晴	9 °C	14 °C	1 °C
24		°C	°C	°C
25		°C	°C	°C
26	晴	3 °C	7 °C	-2 °C
27	晴	8 °C	14 °C	-1 °C
28	晴/曇	11 °C	14 °C	3 °C
29		°C	°C	°C
30	雨	6 °C	8 °C	5 °C